

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ VIỆT  
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:  
Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2401004735

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

KĐT Đình Trám Sen Hồ, Phường Hồng Thái, Thị Xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0987998866

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng               | 4663(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 10. | Phá dỡ                                                                | 4311        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                    | 4649        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                            | 2391        |
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                 | 2392        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                         | 2393        |
| 19. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao     | 2395        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                    | 8299                                                         |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                      | 4662                                                         |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                   | 7710                                                         |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                         | 4932                                                         |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                           | 4933                                                         |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                              | 5210                                                         |
| 26. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                             | 4661                                                         |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                          | 4659                                                         |
| 28. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4730                                                         |
| 29. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                         | 2591                                                         |
| 30. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                              | 2599                                                         |
| 31. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                             | 2592                                                         |
| 32. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                           | 2511                                                         |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                           | 7730                                                         |
| 34. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                           | 7911                                                         |
| 35. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                    | 7912                                                         |
| 36. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                           | 1410                                                         |
| 37. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Gia công, lắp ráp linh kiện điện tử.                                                                                                                                                                             | 2610                                                         |
| 38. | Sản xuất sắt, thép, gang<br>Chi tiết: Sản xuất thép hình, thép hộp, thép ống các loại thép;<br>Sản xuất tôn các loại                                                                                                                                     | 2410                                                         |
| 39. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>Chi tiết: Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, sản xuất cán kép thép, sản xuất tôn các loại                                                                                                               | 2420                                                         |
| 40. | Đúc kim loại màu<br>Chi tiết: Sản xuất ống thép các loại                                                                                                                                                                                                 | 2432                                                         |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                        | 4229                                                         |
| 42. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG<br>TRỌNG TUỐC | Thôn Hạ Lát, Xã<br>Tiên Sơn, Thị Xã<br>Việt Yên, Tỉnh<br>Bắc Giang, Việt<br>Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 12.000        | 120.000.000              | 3,000        | 0240840128<br>27                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số                            | 12.000        | 120.000.000              | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGÔ VĂN<br>LUẬN     | Tổ dân phố<br>Hoàng Mai 1,<br>Phường Nénh,<br>Thị Xã Việt Yên,<br>Tỉnh Bắc Giang,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 192.000       | 1.920.000.000            | 48,000       | 0240850184<br>97                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               | Tổng số                            | 192.000       | 1.920.000.000            | 48,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                               |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | THÂN VÂN HÒA    | Tổ dân phố Thượng Phúc, Phường Tăng Tiến, Thị Xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông         | 12.000  | 120.000.000   | 3,000  | 024084013848 |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 12.000  | 120.000.000   | 3,000  |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
| 4 | NGUYỄN VĂN SANG | Số 10 ngõ Hậu Khuông, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 024084000150 |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần phổ thông         | 112.000 | 1.120.000.000 | 28,000 |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 112.000 | 1.120.000.000 | 28,000 |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
| 5 | DƯƠNG VĂN THÀNH | Tổ dân phố số 2, Phường Bích Động, Thị Xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 40.000  | 400.000.000   | 10,000 | 024092005892 |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 40.000  | 400.000.000   | 10,000 |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |         |               |        |              |

|   |                 |                                                                                     |                                    |        |             |       |                  |  |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|------------------|--|
| 6 | THÂN VẤN<br>SON | TDP Cao Lôi,<br>Phường Ninh<br>Sơn, Thị Xã Việt<br>Yên, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 32.000 | 320.000.000 | 8,000 | 0240920030<br>37 |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                     | Tổng số                            | 32.000 | 320.000.000 | 8,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                     |                                    |        |             |       |                  |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024084000150

Ngày cấp: 23/10/2024

Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ thường trú: Số 10 ngõ Hậu Khuông, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 ngõ Hậu Khuông, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang